

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2025
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Phước Oanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thúy Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Cần Thị T.H, sinh năm 1990; Số CCCD: 048190000xxx0; Địa chỉ: xxx Hxg, phường H1, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Ngọc T, sinh năm 1988; Số CCCD: 048088005xxx; địa chỉ: Thôn V, xã H n, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cần Thị T.H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Cần Thị T.H và ông Ngô Ngọc T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến kéo dài và sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Bà H xác nhận giữa bà H và ông T có 01 con chung là Ngô Thị B.N, sinh ngày 17/7/2019. Ly hôn bà H xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Ngô Ngọc T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T để biết việc bà Cần Thị T.H gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bà Cần Thị T.H trình bày: Hiện nay cháu Ngô Thị B.N mới vào lớp 1, hiện tại cháu đang sống ổn định với ông T và ông bà nội nên không muốn làm xáo trộn, thay đổi môi trường sống, làm ảnh hưởng đến việc học của cháu Ngọc. Bà H xin thay đổi yêu cầu về nuôi con chung, giao cháu Ngô Thị B.N cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án viết bản khai và tham gia hòa giải.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

- *Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cần Thị Thanh H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Cần Thị T.H được ly hôn với Ngô Ngọc T.

+ Về quan hệ con chung: Giao con chung Ngô Thị B.N, sinh ngày 17/7/2019 cho ông Ngô Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Cần Thị Thanh H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn ông Ngô Ngọc T có nơi cư trú tại thôn V, xã H, TP Đà Nẵng nên tranh chấp ly hôn giữa bà H và ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Ngô Ngọc T để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cần Thị T.H và ông Ngô Ngọc T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Xét đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống do có mâu thuẫn không tự giải quyết được nên bà H làm đơn xin ly hôn với ông T.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà H và ông T được đoàn tụ cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí níu kéo, hòa giải và mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Theo nội dung biên bản xác minh ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng thì bà H và ông T có quan hệ hôn nhân nhưng hiện nay bà H và ông T không còn sống chung, bà H đã bỏ đi khoảng 01 năm. Vợ chồng bà H ông T có 01 con chung, hiện nay cháu đang sống cùng ông T và ông bà nội tại địa phương. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H ông T, địa phương không nắm rõ nên không cung cấp thông tin.

Tại phiên tòa, bà H xác định đã sống ly thân với ông T từ năm 2021 cho đến nay, hiện nay không còn tình cảm và kiên quyết xin được ly hôn với ông T. Từ những phân tích và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn của bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà H xác nhận giữa bà H và ông T có 01 con chung là Ngô Thị B.N, sinh ngày 17/7/2019. Ly hôn, bà H giao cháu Ngô Thị B.N cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của bà H nên HĐXX chấp nhận.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Bà Cần Thị T.H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Cần Thị T.H về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với bị đơn ông Ngô Ngọc T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Cần Thị T.H được ly hôn với ông Ngô Ngọc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Ngô Thị B.N, sinh ngày 17/7/2019 cho ông Ngô Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cần Thị T.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001133 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Bà H phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV4-Đà Nẵng ;
- UBND phường HC;
- (số ĐKKH: số xx ngày 10/5/2016);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Mỹ Loan

